

BỘ NÔNG NGHIỆP-BỘ
TÀI CHÍNH
Số: 17-TT/LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 1986

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ TÀI CHÍNH - NÔNG NGHIỆP SỐ 17-TT/LB
NGÀY 11-8-1986 HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ, KHẤU HAO
TÀI SẢN CỐ ĐỊNH TRONG HỢP TÁC XÃ, TẬP ĐOÀN SẢN XUẤT
NÔNG NGHIỆP (DƯỚI ĐÂY GỌI TẮT LÀ HỢP TÁC XÃ).

Để phù hợp với cơ chế quản lý mới và tình hình giá cả hiện nay, và để tạo điều kiện cho hợp tác xã quản lý sử dụng có hiệu quả tài sản cố định, tính đủ và đúng chi phí sản xuất, thực hiện hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp hướng dẫn thêm một số điểm đã quy định trong điều 11, 12 của chế độ quản lý tài chính hợp tác xã nông - lâm nghiệp ban hành theo Quyết định số 45-QĐLB ngày 20-4-1981 của Liên Bộ về quản lý tài sản cố định trong hợp tác xã như sau:

I- TIÊU CHUẨN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định trong hợp tác xã là những công cụ lao động và tài sản có đủ 2 điều kiện sau:

- Có giá trị từ 5.000 đồng trở lên.
- Thời gian sử dụng trên 1 năm.

Do yêu cầu công tác quản lý, những công cụ lao động và tài sản sau đây có thể giá trị đơn vị không đủ 5.000 đồng nhưng vẫn được coi là tài sản cố định:

- Lợn nái sinh sản và lợn đực giống;
- Bàn ghế, tủ, máy tính ở văn phòng;
- Xe cải tiến và thuyền vận chuyển;
- Bộ sách quý ở thư viện và các di sản trưng bày ở nhà văn hoá, nhà truyền thống...

Những công cụ lao động và tài sản sau đây dù giá trị đơn vị lớn hơn 5.000 đồng nhưng cũng không coi là tài sản cố định như đồ sành sứ, thủy tinh và đồ dễ vỡ khác.

II- KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG VỐN KHẤU HAO

1. Về nguyên tắc, tất cả tài sản cố định đang sử dụng đều phải trích khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn. Tuy nhiên, do đặc điểm kỹ thuật và yêu cầu của công tác quản lý sử dụng

tài sản cố định. Việc khấu hao tài sản cố định trong hợp tác xã cần chú ý một số điểm sau:

a) Những tài sản cố định sau đây chỉ trích khấu hao cơ bản:

- Súc vật làm việc, cho sản phẩm;
- Bàn ghế, tủ hồ sơ ở văn phòng;
- Vườn cây lâu năm.

b) Những tài sản cố định sau đây chỉ trích khấu hao sửa chữa lớn:

- Mương mán, kênh dẫn nước, đường sá;
- Kè cống, đập nước.

c) Những tài sản cố định sau đây không trích khấu hao:

- Ruộng đất, ao hồ, đồng cỏ;
- Tài sản chuyên dùng cho phúc lợi tập thể;
- Tài sản niêm cất, dự trữ.

2. Đối tượng trích khấu hao là từng đơn vị tài sản cố định hoặc từng nhóm tài sản cố định.

Đơn vị tài sản cố định là những tài sản có kết cấu riêng biệt và độc lập thực hiện một chức năng nhất định hoặc là những tài sản có kết cấu gồm nhiều bộ phận có liên quan mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau và cùng nhau thực hiện một chức năng nhất định.

3. Mức khấu hao và tỷ lệ khấu hao tài sản cố định được tính theo công thức sau:

Nguyên giá Chi phí Giá trị

tài sản cố định + thanh lý - thu hồi

a) Mức khấu hao cơ bản = -----

Số năm sử dụng

Phí tổn sửa chữa lớn cả đời

tài sản cố định

b) Mức khấu hao sửa chữa lớn = -----

Số năm sử dụng

Mức khấu hao cơ bản

c) Tỷ lệ (%) khấu hao cơ bản = ----- x 100

Nguyên giá tài sản cố định

Mức khấu hao sửa chữa lớn

d) Tỷ lệ (%) khấu hao = ----- x 100

sửa chữa lớn Nguyên giá tài sản cố định

Kèm theo Thông tư này, liên Bộ hướng dẫn tỷ lệ khấu hao đối với một số tài sản cố định chủ yếu trong hợp tác xã. Các địa phương cần nghiên cứu vận dụng cho phù hợp.

4. Sử dụng vốn khấu hao tài sản cố định:

- Số tiền khấu hao đã trích trong năm được tính chi phí sản xuất của từng ngành theo nguyên tắc tài sản cố định thuộc ngành nào thì số tiền khấu hao đã trích được tính vào chi phí sản xuất của ngành ấy.
- Số tiền khấu hao cơ bản và khấu hao sửa chữa lớn trích hàng năm là một trong những nguồn vốn chủ yếu tạo thành vốn xây dựng cơ bản, mua sắm và sửa chữa lớn tài sản cố định của hợp tác xã.

III- ĐIỀU CHỈNH GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Để thu hồi đủ vốn cho việc đổi mới tài sản cố định, và bảo đảm sự thống nhất giữa các hợp tác xã trong việc hạch toán tài sản cố định, trong khi chờ quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản cố định trong khu vực kinh tế tập thể, Liên Bộ Tài chính - Nông nghiệp hướng dẫn tạm thời việc điều chỉnh giá tài sản cố định như sau:

1. Nguyên tắc chung:

Mọi tài sản cố định đã xây dựng hoặc mua sắm trước ngày 1-7-1986 đều được điều chỉnh lại nguyên giá. Khi điều chỉnh lại nguyên giá, phải đồng thời điều chỉnh lại phần khấu hao cơ bản đã trích theo tỷ lệ tương ứng giữa nguyên giá mới và nguyên giá cũ của tài sản cố định.

2. Nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh như sau:

- Những tài sản cố định mà nguồn chủ yếu do Nhà nước cung cấp thì điều chỉnh theo giá hiện hành của Nhà nước. Riêng những tài sản đã mua ngoài với giá cao hơn giá Nhà nước hiện hành thì ghi theo giá thực tế mua.
- Những tài sản cố định mà nguồn chủ yếu do mua ngoài thì điều chỉnh theo giá có thể mua được hiện nay.
- Những tài sản cố định do hợp tác xã tự xây dựng thì điều chỉnh theo giá có thể xây dựng được hiện nay.

3. Ví dụ:

Một máy bơm nước đang sử dụng của hợp tác xã A với giá mua trước ngày 1-7-1986 là 4.000 đồng đã trích khấu hao cơ bản 1.600 đồng theo bảng giá hiện hành của Nhà nước, giá của loại máy bơm này là 20.000 đồng.

Vậy:

- Nguyên giá mới của máy bơm nước được điều chỉnh là 20.000 đồng.

- Khấu hao cơ bản đã trích được điều chỉnh là:

20.000

$1.600 \text{ đ} \times \frac{4.000}{20.000} = 8.000 \text{ đồng.}$

4.000

IV- QUẢN LÝ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

1. Hợp tác xã phải huy động hết số tài sản cố định hiện có vào sử dụng. Đối với những tài sản cố định trước mắt chưa cần dùng phải niêm cất và cử người trông coi chu đáo.

2. Việc mua sắm xây dựng mới tài sản cố định phải đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống và phải phù hợp với khả năng về vốn của hợp tác xã. Quá trình xây dựng, mua sắm, sửa chữa phải có quy hoạch, kế hoạch cụ thể và tập trung vốn để mua sắm xây dựng những tài sản cố định chủ yếu phục vụ cho sản xuất kinh doanh của hợp tác xã, nhanh chóng đưa những tài sản cố định mới mua sắm xây dựng xong vào sử dụng để phát huy hiệu quả kinh tế.

3. Phải có nội dung quản lý, sử dụng đối với từng loại tài sản cố định, nội quy cần quy định rõ các mặt:

Quản lý bảo vệ, chăm sóc bảo dưỡng, sử dụng có hiệu quả.

Thực hiện chế độ giao khoán quản lý sử dụng tài sản cố định cho từng đơn vị hoặc từng cá nhân, gắn trách nhiệm vật chất với tình hình quản lý sử dụng tài sản cố định.

- Đối với ruộng đất:

Hợp tác xã phải quản lý và sử dụng tốt ruộng đất hiện có. Phải khoán cho đội, tổ hoặc xã viên quản lý và sử dụng. Phải đầu tư chi phí hợp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho xã viên đạt năng suất cao nhất trên ruộng đất mà họ đã nhận khoán. Trường hợp, hợp tác xã không canh tác hết diện tích thì tùy tình hình cụ thể, hợp tác xã có thể cho xã viên, đoàn thể, cơ quan hay đơn vị

bộ đội mượn để gieo trồng theo đúng tinh thần Nghị quyết số 318- CP ngày 10-9-1979 của Hội đồng Chính phủ về việc tận dụng ruộng đất nông nghiệp.

- Đối với súc vật phải giao khoán cho gia đình xã viên nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ chu đáo. Sử dụng trâu bò làm việc phải theo sự điều hành chung của hợp tác xã hoặc đội sản xuất và theo đúng nội qui sử dụng trâu bò cày kéo của hợp tác xã.

- Đối với máy móc thiết bị kỹ thuật phải khoán cho người có trình độ chuyên môn phụ trách quản lý và sử dụng. Phải có đủ hồ sơ lý lịch máy, thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo qui định kỹ thuật, bảo quản máy lâu bền và nâng cao hiệu suất sử dụng máy.

4. Tiến hành kiểm kê tài sản cố định theo định kỳ để thường xuyên nắm được tình hình biến động về số lượng, chất lượng và giá trị tài sản cố định. Phải mở sổ sách để ghi chép, theo dõi sự biến động của từng đơn vị, từng loại và toàn bộ tài sản cố định. Phải thanh lý kịp thời những tài sản cố định hư hỏng không còn sử dụng được nữa, nhượng bán những tài sản cố định thực sự không còn dùng để thu hồi vốn cho việc xây dựng và mua sắm mới tài sản cố định.

Thông tư này được thi hành kể từ ngày ký. Các Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố nghiên cứu vận dụng và hướng dẫn cụ thể cho hợp tác xã ở địa phương mình. Trong quá trình triển khai thực hiện, có gì cần bổ sung sửa đổi, kịp thời báo cáo về Liên Bộ để nghiên cứu giải quyết.

TỶ LỆ MẪU KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(Phần trăm nguyên giá tài sản cố định) ³

Tên tài sản cố định	Tỷ lệ khấu hao chung	Tỷ lệ khấu hao cơ bản	Tỷ lệ khấu hao sửa sửa lớn
1	2	3	4
I- Nhà cửa, kho tàng			